

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN TRỤ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/DS-ST  
Ngày: 21-9-2022  
V/v: “Tranh chấp quyền sử  
dụng đất và yêu cầu đập bỏ,  
tháo dỡ, di dời tài sản trên đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Tiền Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Lô
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Phước Mãi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu đập bỏ, tháo dỡ, di dời tài sản trên đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Thông báo mở về việc mở lại phiên tòa sơ thẩm số 04/TB-TA ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1944; Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Lê Văn N, sinh năm 1941; Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

2.2 Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Lô A, Chung cư Q, Phường Q, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3 Bà Lê Thị Thanh L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 6, Đường A, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông N và bà L là bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Lô A, Chung cư Q, Phường Q, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo các văn bản ủy quyền ngày 05/11/2021 và ngày 16/11/2021) (Có mặt)

### 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1949; Địa chỉ: Ấp Bình Đức, xã Bình Lãng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. (Có mặt)

3.2 Bà Võ Thị N, sinh năm 1950; Địa chỉ: Ấp Bình Đức, xã Bình Lãng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. (Có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2021 và đơn khởi kiện thay đổi và bổ sung đơn yêu cầu khởi kiện ngày 22/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Văn Ng trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Ông là người quản lý, sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 2.611,2m<sup>2</sup>, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Bình Lãng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 794510 do ông Lê Văn Ng đứng tên trong giấy và được Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/10/2010. Quá trình sử dụng đất, ông thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, đóng thuế đất đầy đủ.

Liên kề với thửa đất 134 của ông là thửa đất số 159 của bà Lê Thị Thanh L và bà Lê Thị Thanh T và thửa đất số 160 của ông Lê Văn N.

Trong quá trình sử dụng đất bà L, bà T và ông N, bà K lấn sang phần đất thuộc thửa 134 của ông. Năm 1977, gia đình ông N lấn đất ông nên ông có đào đường mương để xác định ranh giới các thửa đất giữa các bên, không cho ông N lấn đất. Năm 2015, ông trồng thanh long nên có xây trụ bên hông và kéo lưới B40 trên phía ngoài đường mương ông đào trước đó. Khi xây dựng hàng rào thì ông có kêu gia đình ông N ra chứng kiến. Vụ việc tranh chấp lấn ranh đất đã được Ủy ban nhân dân xã Bình Lãng hòa giải nhưng không thành.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thanh T và Lê Thị Thanh L và ông

Lê Văn N, bà Nguyễn Thị K phải tháo dỡ hoặc đập bỏ, di dời một phần hàng rào và một phần trụ cổng bê tông trả lại cho ông phần đất tại vị trí B, C và D, diện tích là 192,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 134, tờ bản đồ số 30, đất tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Tất cả vị trí tranh chấp theo Mạnh trích đo địa chính số 103-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Trụ duyệt ngày 31/12/2021 (Viết tắt là Mạnh trích đo địa chính số 103-2021).

*Bị đơn là ông Lê Văn N, bà Lê Thị Thanh L, bà Lê Thị Thanh T (ông Ng, bà L ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng) thống nhất trình bày:*

Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 30 có diện tích 1.346,3m<sup>2</sup>, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An do bà L và bà T đứng tên đồng sở hữu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 896154 được Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp vào ngày 28/11/2011. Trước đây, thửa đất 159 là của ông Lê Văn N. Sau đó, ông N tặng cho lại bà L, bà T. Nguồn gốc thửa đất 159, 160 là của ông bà để lại nhiều đời. Từ trước năm 1945, thửa đất này là đất thổ cư, ông bà của các bị đơn đã cất nhà trên đất và trồng hàng dừa dọc theo ranh đất với thửa đất của ông Ng từ lâu đời. Phần bên đất của ông Lê Văn Ng trước năm 1975 là đất ruộng do ông Lê Văn Chi là ba ruột của ông Ng làm. Sau đó, ông Ng canh tác và cất nhà trên đất ruộng. Khi ông Ng làm ruộng thì ông Ng đã đào đường mương theo ranh đất phần giáp với thửa 159 để xác định ranh giới giữa thửa 159 của bị đơn và thửa đất số 134 của ông Ng. Hằng năm, ông Ng đều đào, nạo, vét đường mương theo ranh đất này. Phần đất thổ cư của gia đình bị đơn, trước đây ông N có trồng hàng dừa dọc theo mương (cách mương 0,5m-1m), có trái từ trước năm 1975 để sau này để xác định ranh giới của các bên. Nay các cây dừa lâu năm đã chết nhưng gốc vẫn còn và đang nằm hiện hữu dọc theo hàng rào mà ông Ng đã xây dựng. Đây mặc nhiên coi là ranh đất của gia bên gia đình bị đơn và ông Ng.

Năm 2015, ông Ng trồng thanh long thì ông Ng đã làm hàng rào, dựng cột trụ bê tông lấn vào khu đất của bị đơn từ 0,4 đến 0.5m, đặt cột và kéo dài rào B40 từ đầu đến cuối đất. Bà L và bà T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế thì ông N và bà K đang sinh sống và quản lý sử dụng thửa đất 159 này. Ranh giới từ thờ ông bà của hai bên còn nguyên hiện trạng từ trước đến nay, không ai tranh chấp hay khiếu nại. Ông Ng cho rằng gia đình của bị đơn lấn đất của ông Ng là hoàn toàn không có căn cứ. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ng. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị K trình bày:* Phần ranh giới đất giữa thửa đất số 134 và thửa đất số 159 là hàng rào mà phía ông Ng đã xây dựng. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị N trình bày:* Tôi thống nhất với ý kiến trình bày của ông Ng và không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và tiến hành hòa giải vụ án giữa các đương sự nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án thu thập, lời trình của các đương sự tại phiên tòa, thấy rằng:

Ông Lê Văn Ng xác nhận vào năm 1977, gia đình ông N lấn đất ông nên ông có đào đường mương để xác định ranh giới của các bên để ông N không lấn sang đất ông. Năm 2015, ông trồng thanh long nên có xây dựng trụ bê tông và kéo lưới B40 trên mương ông đào để xác định ranh giới của các bên. Khi xây dựng hàng rào có kêu gia đình ông N ra chứng kiến. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của BLTTDS năm 2015

Mặc dù, hiện trạng sử dụng đất của thửa đất số 134 của ông Ng là thiếu nhiều so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào năm 2010 nhưng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ (BL 153 và 154) thể hiện trên phần đất tranh chấp có các loại cây ăn trái do ông N trồng, trong đó có 02 cây dừa được trồng cách nay trên 15 năm. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ vị trí phần đất đang tranh chấp ngày 09/9/2022 thể hiện cặp hàng rào có 10 gốc dừa đã chết; hiện trạng sử dụng đất thực tế thì thửa đất 134 của ông Ng thấp hơn phần đất thuộc thửa đất 159 của phía bị đơn. Đồng thời, tại bản ảnh thực địa tại vị trí tranh chấp thể hiện vị trí hàng rào do ông Ng xây dựng nằm Ng vị trí hàng dừa đã được xác định là ranh giới hai thửa đất từ trước cách nay hơn 15 năm, cụ thể là 02 cây dừa còn sống và các cây dừa đã chết còn lại gốc là thẳng hàng với nhau. Kết hợp với lời trình bày thống nhất của cả hai bên đương sự, có căn cứ xác định vào năm 1977 ông Ng đã đào đường mương để xác định ranh giới giữa hai thửa đất và sử dụng hiện trạng đất trên cho đến năm 2015 vẫn chưa phát sinh tranh chấp về ranh giới.

Năm 2015, ông Ng lại tiếp tục xây dựng trụ bê tông và kéo lưới B40 trên đường mương mà ông đào trước đó dưới sự chứng kiến của gia đình ông N. Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 99, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Lê Văn Ng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn Ng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thanh T và Lê Thị Thanh L và ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị K phải tháo dỡ hoặc đập bỏ, di dời một phần hàng rào và một phần trụ cổng bê tông trả lại cho ông Ng phần đất tại vị trí B, C và D, tổng diện tích là 192,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 134, tờ bản đồ số 30, đất tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 103-2021. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 vụ việc tranh chấp của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu đập bỏ, tháo dỡ, di dời tài sản trên đất” và thẩm quyền giải quyết vụ án thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn xác định chỉ tranh chấp với bị đơn đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là tại vị trí B, C và D, diện tích là 192,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 134, tờ bản đồ số 30, đất tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Trụ duyệt ngày 31/12/2021 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự. Đồng thời, các đương sự thống nhất căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 và thống nhất giá đất theo chứng thư định giá của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức để Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu định giá lại.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Lê Văn Ng về việc yêu cầu bà Lê Thị Thanh T và Lê Thị Thanh L và ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị K phải tháo dỡ hoặc đập bỏ, di dời một phần hàng rào và một phần trụ cổng bê tông trả lại cho ông Ng phần đất tại vị trí B, C và D, tổng diện tích là  $192,6\text{m}^2$  thuộc thửa đất 134, tờ bản đồ số 30, đất tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Tất cả vị trí tranh chấp theo Mảnh trích đo địa chính số 103-2021. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì các bị đơn không đồng ý và xác định hoàn toàn không có việc lấn chiếm đất tại vị trí B, C và D như nguyên đơn trình bày.

[4] Các đương sự trình bày thống nhất về nguồn gốc thửa đất 134 và thửa đất 159 và xác định năm 2010 có Bộ quốc phòng đo đạc các thửa đất nhưng việc đo đạc không có sự chứng kiến của các đương sự và không có việc ký giáp ranh giữa các bên. Các bên chỉ đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ nộp vào và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Căn cứ vào văn bản số 35/CNVPĐKĐĐ ngày 14/01/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Trụ qua đối chiếu các thửa đất 134, 159 có số liệu đo đạc thực tế diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ng và của bà T, bà L. Nhưng khi đối chiếu qua Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 thì có sự chênh lệch diện tích như sau:

+ Thửa 134 của ông Ng trên giấy chứng nhận có diện tích  $2.611,2\text{m}^2$  tại vị trí khu A không tranh chấp có diện tích là  $2.171\text{m}^2$  nếu cộng luôn phần vị trí tranh chấp tại vị trí B, C và D (bị đơn đang quản lý sử dụng) là  $192,6\text{m}^2 = 2.363,6\text{m}^2$  là còn thiếu so với giấy chứng nhận là  $247,6\text{m}^2$ .

+ Thửa 159 của bà T, bà L trên giấy chứng nhận là  $1.346,3\text{m}^2$  tại vị trí khu E không tranh chấp có diện tích là  $1.284,1\text{m}^2$  nếu cộng luôn phần vị trí tranh chấp tại vị trí B, C và D (bị đơn đang quản lý sử dụng) là  $192,6\text{m}^2 = 1.476,7\text{m}^2$  là dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là  $130,4\text{m}^2$ .

[5] Về quá trình sử dụng đất và thực trạng thửa đất: Nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn đất nên năm 1977 nguyên đơn đã có đào đường mương để xác định ranh giới giữa các bên, không cho bị đơn lấn đất; Ngược lại, bị đơn xác định không lấn đất, vì thực tế phần đất tại thửa 159 của bị đơn đang quản lý, sử dụng cao hơn phần đất nguyên đơn quản lý, sử dụng và ranh đất giữa thửa 134 và thửa 159 giữa các bên là đường mương do nguyên đơn đào và nguyên đơn đã xây dựng hàng rào dọc theo thửa đất giữa hai bên. Quá trình giải quyết tranh chấp, Tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ nhiều lần tại phần ranh đất do phía bên bị đơn xác định trên Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 thực tế chính là hàng rào

mà phía nguyên đơn xây dựng trên nương nước do chính nguyên đơn đào từ năm 1977 dọc theo hai thửa đất. Qua thẩm định còn thấy, hàng rào do nguyên đơn xây dựng trên phía ngoài đường nương của nguyên đơn đào sát các gốc dừa đã chết (có bản ảnh thực tế kèm theo) và nguyên đơn xác định là bị đơn trồng, các gốc dừa lớn này đã tồn tại rất lâu theo bị đơn trình bày là bị đơn trồng trước năm 1975 có thể xác định là trên 30 năm nên ranh giới đất giữa các bên đã tồn tại rất lâu có thể xác định là ranh giới đất theo tập quán được quy định tại Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hiện tại, vị trí tranh chấp D theo Mảnh trích đo địa chính xác định là thuộc thửa đất số 159 của bị đơn, còn tại vị trí tranh chấp B và C bị đơn đang quản lý sử dụng từ rất lâu, trước nay không có tranh chấp gì, trên đất còn có trồng cây bưởi và một số cây mít là các cây lâu năm. Do đó, không thể căn cứ vào ranh giới bản đồ địa chính và diện tích đất tại thửa 134, 159 mà nguyên đơn và bị đơn được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự chênh lệch với diện tích đo đạc thực tế theo Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 là đủ hay thiếu để xác định có việc sử dụng lấn ranh sang phần đất của chủ sử dụng khác hay không.

[6] Như vậy, từ những phân tích tại các đoạn [2], [3], [4], [5] xét về nguồn gốc đất, quá trình và thực tế sử dụng đất, mảnh trích đo địa chính đo đạc thực tế các thửa đất, thực trạng ranh đất, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp tại vị trí D, B và C là thuộc quyền sử dụng đất của bà T, bà L tại thửa đất 159. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định tại chỗ tổng cộng là 24.400.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng): Buộc ông Lê Văn Ng phải chịu toàn bộ (đã nộp và chi xong) do yêu cầu khởi kiện của ông Ng không được chấp nhận theo quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về án phí: Buộc ông Lê Văn Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Ng có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 99, Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai 2013; Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn Ng về việc yêu cầu bà Lê Thị Thanh T và Lê Thị Thanh L và ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị K phải tháo dỡ hoặc đập bỏ, di dời một phần hàng rào và một phần trụ cổng bê tông trả lại cho ông Lê Văn Ng phần đất tại vị trí B, C và D, tổng diện tích là 192,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 134, tờ bản đồ số 30, đất tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo Mạnh trích đo địa chính số 103-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Trụ duyệt ngày 31/12/2021.

2. Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định tại chỗ tổng cộng là 24.400.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng): Buộc ông Lê Văn Ng phải chịu toàn bộ (đã nộp và chi xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn Ng được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**(Đã ký)**

**Đinh Tiên Phương**